TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 01 - 2018
V/v tranh chấp về nuôi con của
nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Việt Bằng
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 982/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, về việc tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 967/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Số 31, đường N, khóm J, Phường I, Tp C, tỉnh Cà Mau
- *Bị đơn:* Anh Châu T, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 31, đường N, khóm J, Phường I, Tp C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Trần Thị L trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh Châu T chung sống vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc vợ con và anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, anh chị đã ly thân nhau 02 năm nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung, có hai con chung tên là Châu Thúy X – sinh ngày 24/9/2000 và Châu Y – sinh ngày 27/9/2005. Hiện nay cả hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cả hai con, không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh T.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: chị xác định không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Châu T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, anh và chị L chung sống vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh cũng có thường xuyên bỏ nhà đi ít quan tâm chăm sóc vợ con, do anh đi làm ăn xa, nên chị L có hiểu lầm là anh có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, có hai con chung tên là Châu Thúy X – sinh ngày 24/9/2000 và Châu Y – sinh ngày 27/9/2005. Khi ly hôn, anh đồng ý giao hai con cho chị L nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai cũng không ai nợ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Châu T có yêu cầu vắng mặt trong phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tâm theo quy định tại các Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

[2] Về hôn nhân, mặc dù chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 và điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Châu Thúy X – sinh ngày 24/9/2000 và Châu Y – sinh ngày 27/9/2005, hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L và anh T đều thống nhất giao cả hai con cho chị L nuôi, không đề cập trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh T, xét thấy, chị L có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con vì vậy sự tự nguyện thống nhất của các đương sự về vấn đề này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh T đều xác định không có. Về nợ chung: không có và không ai nợ lại anh chị.

[6] Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 53,58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Châu T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Buộc anh Châu T giao con chung tên là Châu Thúy X – sinh ngày 24/9/2000 và Châu Y – sinh ngày 27/9/2005, hiện nay hai con đang sống chung với chị L, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị L phải chịu. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000110 vào ngày 13/12/2017, được đối trừ, chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh